

HỒI KÝ TỰ NẠN CỘNG SẢN

LTS.- Sau ngày xâm lăng xong nước Việt Nam Cộng Hòa của tập đoàn Việt gian cộng sản, tức đảng Cộng-sản Việt Nam từ nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa lần chiếm, 30/4/1975. Hàng triệu người dân của nước VNCH đã phải bỏ nước ra đi tỵ nạn CS tìm Tự Do nơi xứ người bằng mọi phương tiện có được.

Cho tới nay, đã 37 năm, vết thương của Dân Tộc vẫn còn in đậm, và chưa khép kín!!!

Thế nhưng, qua những thảm cảnh hằng trăm ngàn nạn nhân trên đường tìm Tự Do đã phải đánh đổi, gánh chịu; tại hải ngoại đã và đang có những phần tử phản bội lại lý tưởng, chính nghĩa của người Việt tỵ nạn CS chúng ta. Chúng lần lượt làm tay sai cho lũ Việt gian buôn dân bán nước để cầu danh vọng và lợi lộc cho cá nhân cùng bè đảng.

Kính mời quý độc giả đọc lại những dòng tự thuật của một trong muôn vàn thảm cảnh mà người dân Việt đã phải gánh chịu trên con đường tìm Tự Do.

Trường hợp của Thuyền Nhân Vũ Duy Thái

(Tự thuật từ trại tị nạn Songkhla, Thái Lan –Tháng 4,1980)

Tôi tên là Vũ Văn Thái, sinh ngày 2 tháng 10 năm 1936 tại Hóa Lộc, Tuyên Sơn, Ninh Bình (Bắc Việt). Thuở nhỏ rất nghèo, phải chăn trâu cắt cỏ từ lúc 5 tuổi. Mồ côi cha năm 10 tuổi, mẹ ốm đau thường xuyên, nhưng lần hồi đến năm 23 tuổi thì đời sống tương đối dễ chịu hơn với nghề thợ may.

Tôi di cư vào Nam năm 1954 và lập gia đình vào ngày 6-4-1958 ở xứ An Lạc, Gia Định. Nhà tôi tên là Đinh Thị Bằng, sinh năm 1940 tại Phú Nhai, Nam Định (Bắc Việt). Nhà tôi cũng thuộc thành phần di cư năm 1954. Lúc mới lấy nhau, chúng tôi rất nghèo. Tiền đám cưới có 6,000 bạc chúng tôi cũng lo không nổi phải đem bán cái máy may được hai ngàn và vay mượn bạn bè thêm bốn ngàn nữa mới tạm đủ. Như thế nhà tôi đã khởi sự chia sẻ với tôi nỗi gian nan, vất vả của đời sống ngay từ lúc mới bước chân về nhà chồng. Những năm đầu sống thiếu thốn cực nhọc trôi qua trong sự đăm đăm, tần tảo của nhà tôi. Là một phụ nữ yếu đuối về thể chất nhưng lại rất mạnh mẽ về tinh thần, nhà tôi đã phấn đấu, hy sinh rất nhiều để lo lắng cho chồng con. Gần như trong suốt cuộc đời, nhà tôi không được hưởng thụ gì, không có một thói quen giải trí nào, không ưa thích một điều gì ngoài niềm vui lo toan sắp xếp công việc tề gia nội trợ, chăm lo bữa ăn giấc ngủ cho chồng cho con. Lúc nào nhà tôi cũng cố gắng sắp xếp để cho chồng con được ăn ngon, mặc đủ. Dưới mắt tôi, nhà tôi là một phụ nữ tuyệt vời,

một mẫu người phụ nữ Việt Nam đảm đang, trung hậu, hiền hòa, luôn luôn là niềm an ủi khích lệ, là chỗ dựa vững chắc cho toàn thể gia đình.

Chúng tôi sinh hạ được tất cả 7 con, tuần tự gồm có:

- 1 Giuse Vũ Duy Thanh sinh năm 1959
2. Vincente Vũ Duy Khanh sinh năm 1961
3. Phero Vũ Duy Tuấn sinh năm 1963
4. Maria Vũ Thị Thanh Thủy sinh năm 1966
5. Maria Vũ Thị Thanh Thủy Trang sinh năm 1968
6. Martin Vỹ Duy Tài sinh năm 1971
7. Phero Vũ Duy Trí sinh năm 1975

Gia đình tôi được kể như hoàn toàn hạnh phúc nếu như không có sự sụp đổ miền Nam, đất nước rơi vào tay Cộng Sản (CS). Là một gia đình Thiên Chúa giáo ngoan đạo, các con tôi đã thụ hưởng một nền giáo dục nằm trong tình yêu thương của Thiên Chúa do đó không bao giờ chúng tôi có thể sống nổi dưới ách độc tài, đàn áp của CS. Vì thế chúng tôi đành quyết định bỏ nước ra đi.



Chuyến vượt biển thứ nhất, vợ chồng tôi cho ba cháu trai đầu đi trước. Tàu khởi hành từ bến Bạch Đằng, Sài Gòn vào ngày 1 tháng 10 năm 1978 chở theo 130 người. Nhưng chỉ đi được 4 ngày thì chết máy. Ghe lạc vào một đảo san hô đầy

đá ngầm thuộc đảo Bành Hồ (Đài Loan). Sống ở đó 50 ngày, thực phẩm hết, số người chết vì đói cứ tăng dần và những người sống sót đành xẻ thịt người chết mà ăn để sinh tồn. Hai cháu lớn của tôi, Vũ Duy Thanh và Vũ Duy Trung đã bị rơi vào hoàn cảnh cực kỳ bi đát này. Các cháu đã chết và xác của các cháu đành cho bạn đồng ghe ăn thịt.

Mãi tới sáng ngày thứ 50 trên đảo mới có tàu đánh cá Đài Loan tới cứu. Cả ghe 130 người chỉ còn sót có 60 người. Nhưng trên đường từ đảo san hô vào Đài Loan, lại có thêm một số người chết nữa vì quá kiệt sức. Rút cục khi đặt chân lên đất liền ở Đài Loan, chỉ còn 34 người sống sót, trong số đó có con trai thứ ba của tôi là Vũ Duy Tuấn và một đứa con đỡ đầu của tôi nữa tên Trịnh Vĩnh Thụy. Hiện cháu đang ở Đài Bắc. Còn cháu Thụy, nhờ có thân nhân ruột thịt bảo lãnh nên đã định cư tại tiểu bang California, Hoa Kỳ.

Trước thảm kịch có hai anh ruột bị chết thảm, cháu Tuấn vì sợ bố mẹ đau buồn nên đã dấu biệt tin tức. Mãi tới ngày 20-12-1978, một người bạn của tôi tên Đỗ Minh Ngự ở Mỹ viết thư báo tin, gia đình tôi mới được rõ tin tức về chuyến đi kinh hoàng đó. Vào đúng thời điểm này, gia đình chúng tôi lại đang chuẩn bị vượt biển chuyến thứ hai. Chúng tôi làm lễ cầu nguyện 3 ngày liền cho hai cháu ở nhà thờ An Lạc, Chí Hòa, rồi mặc dù vô cùng đau đớn, chúng tôi vẫn tiếp tục xúc tiến cuộc hành trình vượt biển với cả gia đình.

Chúng tôi rời Sài Gòn vào ngày 28 tháng 12 năm 1979 lúc 4 giờ sáng để đi xuống Rạch Giá. Qua 4 giờ sáng ngày 29-12 thì ghe của chúng tôi ra khơi, chiếc ghe mang số VNKG 0980, dài 13 m, ngang 2,5m, chở 120 người. Ghe chạy tới 7 giờ chiều ngày 30-12 thì gặp hải tặc Thái Lan (trên tàu cướp có treo cờ Thái Lan), chúng xáp lại cướp lần đầu. Cướp xong, chúng bỏ đi. Qua 8 giờ sáng ngày 31-12 lại gặp một tàu cướp khác. Lần này cướp xong, chúng phá máy tàu. Một chuỗi 8, 9 tiếng nổ phát ra ở hầm máy làm chiếc ghe lập tức bị chao đi và chìm lìm ngay ít phút sau đó. Tất cả mọi người trên ghe đều la khóc kinh hoàng, thảng thốt. Rồi tôi cúi xuống hôn hai con chót của tôi là cháu Tài (8 tuổi) và cháu Trí (4 tuổi). Tôi cũng nghe thấy tiếng cháu Thùy kêu la: “Cha ơi... chú Tuynh kia...” và cháu Trang la lên “Cha ơi ... chết rồi...” Rồi ghe chìm lìm. Lúc đó nhà tôi vẫn ở bên cạnh tôi. Nhưng nhà tôi không hề níu kéo lấy tôi. Đây là sự hy sinh cao cả cuối cùng của nhà tôi dành cho chồng con. Nhà tôi không muốn tôi bận bịu, vướng mắc giữa sóng biển để tôi có cơ hội cứu các con. Khôn thay, một con sóng độc ác đã ủa tới nhận chìm tất cả những người thân yêu của tôi. Tôi không còn thấy ai nữa. Chỉ có sóng nước ngập đầu. Ngay lúc đó tôi được một người cháu tên Phương níu tôi lại và tôi bấu vào một cái can nước. Tôi ôm cái can một cách hoàn toàn theo bản năng. Và lúc tôi mở được mắt ra thì tôi

thấy nhà tôi vụt vờ ngay trước mắt.. Rồi sau đó tôi ngất đi, không còn biết gì nữa.

Khi tỉnh dậy tôi nhìn thấy mình đang nằm trên tàu của hải tặc. Bên cạnh tôi là hai em Hùng và Châu đang làm hô hấp nhân tạo cho nhà tôi, chắc là nhà tôi vừa được các em vớt lên. Tôi cũng gượng dậy để ra phụ giúp nhưng bọn hải tặc đã ra hiệu là phải hất nhà tôi xuống biển. Thật không còn gì tan nát hơn lòng tôi lúc đó. Tôi nhào lại, ôm nhà tôi vào lòng, đau đớn nhìn nhà tôi hai mắt vẫn còn mở nhưng thân hình đã bất động. Tôi đã dùng tay vuốt cho hai mắt của nhà tôi khép lại rồi tôi khiêng ở đầu, hai em Hùng và Châu khiêng ở chân hạ nhà tôi xuống biển. Đó là lần cuối cùng tôi ở cạnh nhà tôi. Những giây phút đau đớn nhất của một đời người. Một cơn sóng áp tới. Biển xanh bao vây nhiều sóng dữ đã vĩnh viễn lôi cuốn đi người vợ thân yêu nhất đời của tôi. Không bao giờ tôi còn gặp lại. Không có cả một nắm mồ để tôi lui tới thăm viếng. Một thoáng lay động trên mặt biển. Rồi vĩnh viễn chia lìa. Ôi đau đớn nào cho bằng sự đau đớn mà tôi đã phải chịu đựng. Tất cả những người thân yêu nhất của tôi đã ra đi trong khoảnh khắc. Khi chết, nhà tôi bận một cái quần đen, một cái áo montagut đen. Nét mặt nhà tôi không tỏ vẻ đau đớn gì cả. Chỉ có nét thẳng thốt thoáng qua trên khuôn mặt bình thản. Đó là hình ảnh cuối cùng của nhà tôi mà tôi ghi nhớ được trước giây phút ngàn năm vĩnh biệt.

Kiểm điểm lại, chẳng những nhà tôi chết trên biển mà tất cả bốn đứa con của tôi đều chết đuối hết, cháu Thanh Thùy, cháu Thùy Trang, cháu Duy Tài, cháu Duy Trí, những người thân yêu nhất của đời tôi đã vĩnh viễn đi vào lòng biển sâu. Tôi tưởng rằng nếu trên đời này có những thảm họa đau đớn nào thì thảm họa giáng xuống gia đình của tôi phải kể là một trong những thảm họa lớn nhất, khủng khiếp nhất, vượt quá sức chịu đựng của một con người... Cùng số phận với vợ con tôi còn có 65 người khác nữa đi cùng ghe với tôi cũng đã bị chết chìm. Như thế, cả thầy 70 sinh mạng thuyền nhân trong ghe này đã bị chết dưới bàn tay bạo tàn của hải tặc. Số còn lại được hải tặc đưa vào đảo Kra, một hòn đảo nằm lơ lửng giữa biển cả trong Vịnh Thái Lan. Đảo này bây giờ trở thành địa ngục của dân Việt Nam tị nạn bằng thuyền. Bởi vì bất cứ ai bị đưa vào đây đều trở thành nạn nhân của sự bạo hành: Tra tấn đàn ông để khảo của, và bắt chỉ chỗ trốn của phụ nữ, còn phụ nữ thì lẫn lút trong hốc núi, trong rừng sâu hay trong vách đá ngậm nhô ra ngoài biển. Trên đảo có nhiều dấu tích thảm thương của đồng bào đi trước để lại như những hàng chữ viết lên vách đá, những mớ tóc đàn bà vương vãi rải rác khắp mọi nơi (chắc là được cắt đi để giả trai) và cả những xác thuyền, những ngôi mộ của những người đã bỏ xác ở đó.

Chúng tôi được đưa lên đảo vào lúc 6 giờ chiều ngày 31-12 năm 1979. Lòng đau đớn, thân xác rã rời, bệnh hoạn. Các em tôi phải tìm kiếm cỏ khô trải thành nệm cho tôi nằm, lo tìm thức ăn cho tôi ăn. Vì tôi quá đau ốm nên chú Chiêu đã chịu khó đi mày mò ở khắp mọi chỗ, bòn mạt ở những nơi có vật dụng vương

vải của đồng bào đi trước bỏ lại để tìm kiếm cho tôi những viên thuốc. Có những viên đã vỡ nát vì nắng mưa, có những viên mòn vẹt chỉ còn lại một phần tư nhưng tôi vẫn cố nuốt để cảm cực được cho sức khỏe đã vô cùng suy sụp của tôi.

Sáu ngày trên đảo là sáu ngày buồn thảm, kinh hoàng. Đói, bệnh và những nỗi nhớ thương, đau đớn đến tận cùng của tâm hồn tôi. Trong khi ấy, các phụ nữ đi cùng ghe vẫn phải lẩn trốn như những con vật vô phương tự vệ trước những cuộc lùng sục bạo tàn của hải tặc.

Đến ngày 6 tháng 1 năm 1980, chúng tôi được Cao Ủy LHQ phát hiện (bằng trực thăng bay qua đảo) và đưa thuyền ra đón vào quận Pakphanang thuộc tỉnh Nakorn Sri Thamaraj. Ở đó 18 ngày làm thủ tục với cảnh sát Thái, thì chúng tôi được đưa về trại Songkhla ngày 23-1-1980.



Hôm nay là ngày 10 tháng 4 năm 1980, là ngày thứ 100 nhà tôi và các cháu chết trên biển, trong Vịnh Thái Lan trên đường vượt thoát xứ CS để đi tìm tự do. Tôi đang ở trại tị nạn Songkhla. Cách đây 50 ngày, Cha Tuyên Úy Joe Devlin đã dâng Thánh Lễ cầu nguyện cho nhà tôi và các con tôi tại nhà thờ ở trong trại. Hôm nay, nhân dịp 100 ngày, Người cũng dâng lễ cầu nguyện cho. Tôi vô cùng đón đầu, vô cùng chua xót nhớ lại những người thân yêu nhất của đời tôi. Vợ tôi, sáu con tôi đã vĩnh viễn ra đi không bao giờ trở lại.

Lạy Chúa, xin Chúa hãy xót thương cho những linh hồn đã chết đờn đau trong thảm họa đờn đau chung của cả Dân Tộc Việt Nam chúng con. Xin Chúa hãy cứu vớt linh hồn vợ con, các con của con để đưa tất cả về nơi an nghỉ bình an hạnh phúc đời đời nơi nước Chúa. Xin Chúa hãy giúp con đầy đủ can đảm để đứng vững sau cơn gió bão khủng khiếp của đời người, để cho con còn đầy đủ minh mẫn, đủ sức khỏe để lo lắng cho đờn con trai duy nhất của con còn đờn sống ở Đồi Loan. Con đã chịu đau thương quá nhiều. Con cầu nguyện ơn Chúa ban xuống cho tất cả thân nhân còn lại của con, các đồng bào của con, những người sẽ vượt biển ra đi đều tới bến bờ bình an.

Songkhla, ngày 10 tháng 4 năm 1980

Vũ Duy Thái

(Nhân giỗ 100 ngày của vợ và các con chết trên Biển Đông)

Nguồn: https://hon-viet.co.uk/VuDuyThai_HoiKyTyNan.htm

www.vietnamvanhien.net